

Bản án số: 55/2024/HS-ST
Ngày: 30 - 10 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Điều.

Ông Trương Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/TLST - HS, ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST – HS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/9/2000.

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn lớp 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1970; Anh chị em ruột: 03 người, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà Kim Thị Thúy Á, sinh năm 1994. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970. (xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1993. (xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1985. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lại Văn B, sinh năm 1968. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1969. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/3/2024, bị cáo Nguyễn Văn T được Nguyễn Văn N2, sinh năm 1969, nơi thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh điện thoại rủ đến nhà Lại Văn B, sinh năm 1968, nơi thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh để uống rượu cùng Lại Văn B; Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1976, nơi thường trú ấp R, xã Đ, bị cáo T đồng ý và đi bộ đến nhà Lại Văn B. Đến khoảng 11 giờ 35 phút cùng ngày, trong lúc ngồi uống rượu, bị cáo T đi ra nhà vệ sinh (nhà vệ sinh nằm giữa nhà Lại Văn B và nhà Kim Thị Thúy Á, sinh năm 1994, nơi thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh). Lúc này, bị cáo T biết nhà Kim Thị Thúy Á không có ai, quan sát thấy cửa nhà sau không có khoá, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà Kim Thị Thúy Á. Bị cáo T đi vào phòng ngủ, tại đây, bị cáo T nhìn thấy có một tủ nhựa nhiều ngăn, bị cáo T mở ngăn tủ nhựa bên trái (không có khóa) không có tài sản chỉ có một chìa khóa, bị cáo T dùng chìa khóa này mở ngăn tủ bên phải thì thấy trong ngăn tủ có một túi hồ sơ màu xanh, bên trong có 19.500.000 đồng của Kim Thị Thúy Á, gồm 195 tờ mệnh giá 100.000 đồng, được chia làm 02 cọc tiền cột bằng thun, bị cáo T lấy tiền bỏ vào 02 túi sau của quần T đang mặc và khoá tủ lại rồi đi qua nhà Lại Văn B tiếp tục uống rượu, bị cáo T uống thêm 02 - 03 ly rượu rồi đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo T rủ Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, nơi thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh và Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994, nơi thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến uống rượu tại quán của Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1985, nơi thường trú ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cả ba người ngồi uống rượu đến khoảng 18 giờ, Nguyễn Văn L đi về trước, bị cáo T và N1 tiếp tục uống rượu đến khoảng 20 giờ thì nghỉ, bị cáo T là người trả tiền cho chủ quán, tổng cộng 1.900.000 đồng. Lúc này, N1 thấy bị cáo T có nhiều tiền nên hỏi mượn của bị cáo T 1.500.000 đồng thì bị cáo T đồng ý.

Đến sáng ngày 24/3/2024, bị cáo T lấy tiền trộm được trả một người nam thanh niên khoảng 30 tuổi (không rõ họ tên địa chỉ) là nhân viên của Công ty T1 số tiền nợ đã vay là 12.400.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo T tiếp tục rủ L và N1 đến quán của Huỳnh Thị Tố Q để uống rượu, sau đó bị cáo T tiếp tục trả tiền cho chủ quán là 1.200.000 đồng. Đến ngày 25/3/2024, bị cáo T dùng số tiền đã lấy trộm đến tiệm tạp hóa của Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, nơi thường trú ấp T, xã Đ mua 02 thùng bia với giá 790.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn dùng

tiền đã lấy trộm trả cho Nguyễn Văn L tiền sửa xe là 300.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T tiêu xài và ăn uống hết.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT – VKS - HS, ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 11 giờ 35 phút ngày 23 tháng 3 năm 2024, tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lấy trộm 19.500.000 đồng của Kim Thị Thúy Á, gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23/7/2024.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại Kim Thị Thúy Á yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền còn lại là 8.410.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã bán 02 thùng bia là 790.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện bồi thường số tiền còn lại cho bà Kim Thị Thúy Á là 8.410.000 đồng và số tiền 790.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thành N1 và bà Huỳnh Thị Tố Q không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị xử lý:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi giấy màu xanh loại túi đựng hồ sơ, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bà Kim Thị Thúy Á : Tiền Việt Nam đồng: 1.090.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu narzo 50i, kiểu máy RMX3235, màu xám, màn hình cảm ứng, số sê ri 0761A03S2410141A, gắn thẻ sim số thuê bao 0328 657 582; không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật. Riêng 01 đoạn video clip hỏi cung ghi hình có âm thanh bị cáo Nguyễn Văn T được lưu trữ trong đĩa CD tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra vị còn đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Qua quan điểm của V đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo, có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt tại phiên tòa của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tài sản của công dân do quá trình lao động tích lũy mới có được. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại cụ thể khoảng 11 giờ 35 phút ngày 23 tháng 3 năm 2024, tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lấy trộm 19.500.000 đồng của Kim Thị Thúy Á. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T làm ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, trật tự trị an tại địa phương.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, thiệt hại tài sản đã xảy ra, nhưng bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật, thuộc thành phần khó cải tạo, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh thời gian gần đây xảy ra liên tục..., gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tác động gia bồi thường bị hại. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đối với Nguyễn Văn L và Nguyễn Thành N1 được bị cáo T rủ đi uống rượu và bị cáo T là người trả tiền nhưng L và N1 không có hỏi về nguồn gốc tiền của T. Đồng thời, khi N1 biết số tiền mà bị cáo T cho mượn là tiền do phạm tội mà có thì N1 đã trả lại số tiền đã mượn và L cũng giao nộp số tiền do bị cáo T trả tiền

xe. Do N1 và L không biết đây là tiền do phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công an huyện C không xử lý.

Đối với Nguyễn Thị N đã bán 02 thùng bia cho bị cáo T, do không biết bị cáo T dùng tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công an huyện C không xử lý.

Đối với số tiền trả nợ vay cho Công ty T1, qua xác minh không có hồ sơ nên không thu hồi được.

Đối với Huỳnh Thị Tố Q không biết bị cáo T dùng tiền do phạm tội mà có để trả tiền quán nên Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công an huyện C không xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, đúng người, đúng tội.

[8]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại Kim Thị Thúy Á yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền còn lại là 8.410.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã bán 02 thùng bia là 790.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện bồi thường số tiền còn lại cho bà Á là 8.410.000 đồng và số tiền 790.000 đồng cho bà N. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thành N1 và bà Huỳnh Thị Tố Q không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[9]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi giấy màu xanh loại túi đựng hồ sơ, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bà Kim Thị Thúy Á : Tiền Việt Nam đồng: 1.090.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu narzo 50i, kiểu máy RMX3235, màu xám, màn hình cảm ứng, số sê ri 0761A03S2410141A, gắn thẻ sim số thuê bao 0328 657 582; không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực

pháp luật. Riêng 01 đoạn video clip hỏi cung ghi hình có âm thanh bị cáo Nguyễn Văn T được lưu trữ trong đĩa CD tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23 tháng 7 năm 2024.

2. **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường bị hại bà Kim Thị Thúy Á số tiền 8.410.000 đồng (*tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N số tiền 790.000 đồng (*bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thành N1 và bà Huỳnh Thị Tố Q không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi giấy màu xanh loại túi đựng hồ sơ.

- Giao trả cho bà Kim Thị Thúy Á : Tiền Việt Nam đồng: 1.090.000 đồng.

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu narzo 50i, kiểu máy RMX3235, màu xám, màn hình cảm ứng, số sê ri 0761A03S2410141A, gắn thẻ sim số thuê bao 0328 657 582; nhưng tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với 01 (một) đoạn video clip hỏi cung ghi hình có âm thanh bị cáo Nguyễn Văn T được lưu trữ trong đĩa CD tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

4. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã N3 cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Hoàng Vân